

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2025

Về việc: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải

Bà Hà Thị Dung

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Dương; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang; Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trang N, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: Tổ 5, phường H, thành phố T tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ hiện nay: Số nhà 34, ngõ 81, đường T, khu V, thành phố Đ, Đài Loan; xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh ngày 10/10/1988; nơi đăng ký thường trú: Xóm A, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ hiện nay: Số 57 ngõ 288 đường D, khu V, Thành phố Đ, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Trang N trình bày:

Chị Nguyễn Trang N và anh Trần Thanh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Năm 2011, chị sinh con Trần Quỳnh T1, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T đánh đập chị, chị N phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Năm 2015, vợ chồng đã ly hôn, khi đó chị đang mang thai con Trần Huyền T2. Một thời gian sau, anh T đến nhà chị xin lỗi, vì con chung chị đã quay lại chung sống với anh T và đăng ký kết hôn lại vào ngày 24/11/2016. Tuy nhiên, sau khi chị sinh con Trần Huyền T2, anh T lại đánh đập chị, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Năm 2020, anh T đi lao động tại Đài

Loan. Năm 2023, chị cũng đi lao động tại Đài Loan, chị và anh T không sống cùng nhau, anh T đã có quan hệ ngoại tình với người khác. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Trần Quỳnh T1, sinh ngày 29/01/2011 và Trần Huyền T2, sinh ngày 26/8/2016; hiện nay các con đang ở cùng ông Nguyễn Văn T3, bà Phạm Thị H, là bố mẹ đẻ của chị N. Chị N đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Trong khi chị lao động tại Đài Loan, đề nghị giao 02 con chung cho ông Nguyễn Văn T3, bà Phạm Thị H, là bố mẹ đẻ của chị nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung cho đến khi chị trở về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N đề nghị Tòa án buộc anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung 05 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam đã có Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự số 05/UTTPDS ngày 26/4/2024, ủy thác tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 13/TB-TLVA ngày 15/3/2024, trong đó ấn định thời gian mở Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải vào 08 giờ 00 phút ngày 07/8/2024; mở phiên toà lần thứ nhất vào ngày 08 giờ 00 phút ngày 10/9/2024; mở lại phiên toà lần thứ 2 vào 08 giờ 00 phút ngày 30/9/2024; Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự dân sự số 04/UTTPDS ngày 26/4/2024 cho Tòa án có thẩm quyền của Đài Loan để tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của anh Trần Thanh T theo địa chỉ tại Đài Loan do nguyên đơn cung cấp. Ngày 06/6/2024, Bộ Tư pháp Việt Nam có Công hàm số 1300/CH-BTP gửi Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị tổng đạt giấy tờ, thu thập, cung cấp chứng cứ đối với đương sự Trần Thanh T.

Tại phiên tòa xét xử công khai ngày 10/9/2024 và ngày 30/9/2024, bị đơn anh Trần Thanh T đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến thể hiện quan điểm về việc chị N có đơn xin ly hôn với anh. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã hoãn phiên tòa và có văn bản đề nghị Bộ tư pháp thông báo về việc thực hiện thu thập chứng cứ và tổng đạt giấy tờ của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kết quả.

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên có công văn đề nghị và đã được Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc niêm yết, thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh Trần Thanh T, Thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tại bản tự khai của ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị H là bố mẹ đẻ chị Nguyễn Trang N đều nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Quỳnh T1, sinh

ngày 29/01/2011 và Trần Huyền T2, sinh ngày 26/8/2016 cho đến khi chị Trang trở về Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 474, 476, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trang N, cho chị N được ly hôn với anh Trần Thanh T; Về con chung: Giao con Trần Quỳnh T1, sinh ngày 29/01/2011 và Trần Huyền T2, sinh ngày 26/8/2016 cho chị Nguyễn Trang N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác; trong khi chị N đang ở nước ngoài giao cháu T1, cháu T2 cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị H, là bố mẹ đẻ của chị N chăm sóc đến khi chị N trở về Việt Nam. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng không có nên không xem xét. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Trang N có địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh ở tổ 5, phường H, thành phố T tỉnh Thái Nguyên, hiện đang cư trú tại: Số nhà 34, ngõ 81, đường T, khu V, thành phố Đ, Đài Loan. Anh Trần Thanh T có nơi đăng ký thường trú tại Xóm A, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, hiện đang cư trú tại: số 57 ngõ 288 đường D, khu V, Thành phố Đ Đài Loan(Trung Quốc). Chị N nộp trực tiếp đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản của chị Nguyễn Trang N nộp tại Tòa án là đúng ý chí, nguyện vọng của chị N.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

[2] Bị đơn anh Trần Thanh T đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và thu thập chứng cứ theo địa chỉ số 57 ngõ 288 đường D, khu V, Thành phố Đ Đài Loan là địa chỉ được nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên không có kết quả. Như vậy, anh Trần Thanh T đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N, anh T theo Điều 227, Điều 474, Điều 477 và Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trang N và anh Trần Thanh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam năm 2016 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị N xác định do anh T đánh đập chị, anh chị đã ly hôn lần thứ nhất vào năm 2015, sau đó đã quay lại chung sống và đăng ký kết hôn lại vào năm 2016. Tuy nhiên, quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị N vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, chị N đã đem con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó anh T, chị N sang Đài Loan làm việc, cả hai không còn quan tâm đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Trang N và anh Trần Thanh T đã kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh Trần Thanh T là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Trần Quỳnh T1, sinh ngày 29/01/2011 và Trần Huyền T2, sinh ngày 26/8/2016; hiện nay các con chung đang ở cùng ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị H, là bố mẹ đẻ của chị N, ông bà ngoại của các cháu. Chị N đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Trong thời gian làm việc tại Đài Loan, chị N đề nghị giao con chung cho ông Tân và bà Hường, là bố mẹ đẻ thay chị nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung cho đến khi chị trở về Việt Nam. Cháu Trần Quỳnh T1 có nguyện vọng được ở cùng với chị N.

Hội đồng xét xử thấy, anh T và chị N là bố mẹ đẻ của cháu T1, cháu T2 hiện tại ở nước ngoài không có điều kiện để thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nên giao 02 con chung của anh T, chị N cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị H, là ông bà ngoại, là người giám hộ đương nhiên của các cháu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị N trở về Việt Nam là phù hợp với thực tế, đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn và quy định tại Điều 83, 84, khoản 2 Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 52 Bộ luật dân sự.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung 5.000.000 đồng/tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

[7] Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về lệ phí:

[8] Chị N phải chịu chi phí thực hiện ủy thác tư pháp 02 lần là 400.000 đồng (đã thực hiện xong).

Về chi phí tố tụng:

[9] Chị N phải chịu chi phí phiên dịch uỷ thác tư pháp và chi phí tổng đạt niêm yết đăng tải trên cổng thông tin Văn phòng Kinh tế Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc là 6.000.000 đồng (đã thực hiện xong).

Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; anh Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

[10] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 37, 38, 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 87, 107, 110, 116, 117, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Trang N đối với anh Trần Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trang N được ly hôn với anh Trần Thanh T.

1.2. Về con chung: Giao con Trần Quỳnh T1, sinh ngày 29/01/2011 và Trần Huyền T2, sinh ngày 26/8/2016 cho chị Nguyễn Trang N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Trong thời gian chị Nguyễn Trang N không có mặt tại Việt Nam, giao cho ông Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị H, là bố mẹ đẻ của chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 và cháu T2 cho đến khi chị N trở về Việt Nam. Anh Trần Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thanh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Trần Quỳnh T1, sinh ngày 29/01/2011 và Trần Huyền T2, sinh ngày 26/8/2016 là 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 5/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

1.4. Tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Chị Nguyễn Trang N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000155 ngày 15/3/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước.

3. Lệ phí: Chị N phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác thu thập chứng cứ và 200.000 đồng lệ phí ủy thác tổng đạt giấy tờ nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 400.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0000171 ngày 26/4/2024; số 0000164 ngày 15/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

4. Về chi phí tố tụng:

Chị N phải chịu chi phí phiên dịch ủy thác tư pháp và chi phí tổng đạt niêm yết đăng tải trên công thông tin Văn phòng Kinh tế Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc là 6.000.000 đồng (đã thực hiện xong).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Trang N có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; anh Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường H, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Quý Sửu

